

Bản án số: 42/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05/02/2024

V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Cẩm Xuyên**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Diệp Thị Thu Nguyệt**

2. Ông **Trần Đức**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Tiểu Ngọc** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lam Em** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 540/2023/TLST-HNGĐ ngày 16/11/2023 về việc: “*Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/01/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24/01/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Tuyết K**, sinh năm 1999 (có mặt)

HKTT: Khóm Tây Sơn, thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Tạm trú: Ấp Tân Thành, xã Tân Hòa, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Số điện thoại: 0986604849

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh P**, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm Tây Sơn, thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0388758551

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết K trình bày:

Tôi với anh P tự tìm hiểu và tiến tới chung sống với nhau từ năm 2020, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 24/02/2020. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 con chung tên Nguyễn Thanh Phát, sinh ngày 07/02/2021. Nhưng đến tháng 5/2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân tôi nghi ngờ anh P có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên tôi không tin tưởng anh P nữa, vợ chồng không có tiếng nói chung, trong thời gian chung sống anh P thường xuyên đi đâu mấy tháng liên tục không thông báo cho tôi đi đâu, làm gì, không tôn trọng gia đình vợ, có lần khi vợ chồng cự cãi anh P còn đuổi tôi và con ra khỏi nhà, khiến tôi rất tổn thương, anh P thường xuyên gây nợ không trả được. Tôi đã cho anh P cơ hội rất nhiều lần nhưng vẫn không thay đổi. Đến tháng 7/2023, tôi không chịu được nữa nên tôi dẫn con bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Vợ chồng ly thân từ giữa tháng 11/2023 cho đến nay, trong thời gian ly thân hai bên không thể hàn gắn được. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh P.

- *Về quan hệ con chung:* Có 01 con chung tên Nguyễn Thanh Phát, sinh ngày 07/02/2021 (hiện đang ở với tôi). Sau khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

- *Về quan hệ tài sản:*

+ *Về tài sản chung:* Tôi thừa nhận vợ chồng có 01 công đất (tiền mua đất do bán tiền cưới (1,3 cây vàng 23k (nữ trang)) như bị đơn trình bày nhưng sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về nợ chung:* Các khoản nợ chồng tôi kể trên tôi không biết, chồng chỉ có nói là nợ 40.000.000 đồng. Tóm lại là có nợ nhưng không như anh P trình bày, vợ chồng sẽ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Thanh P trình bày:

Tôi với chị K tự tìm hiểu và tiến tới chung sống với nhau từ năm 2020, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 24/02/2020. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 con chung tên Nguyễn Thanh Phát, sinh ngày 07/02/2021. Nhưng đến tháng 8/2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân vợ tôi trình bày mâu thuẫn có một số điểm không đúng sự thật. Cụ thể tôi không có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, thời gian đi khỏi địa phương 02 tháng (tháng 9/2023- tháng 11/2023) để làm việc ở Công ty may ở Bình Dương, khi đi không có báo cho vợ được do tôi không có điện thoại sử dụng, tôi rất tôn trọng gia đình vợ nhưng do nghe người ngoài tác động nên hiểu lầm mẹ vợ. Đến tháng 7/2023, vợ tôi dẫn con bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Vợ chồng ly thân từ giữa tháng 11/2023 cho đến nay, trong thời gian ly thân chị K không tạo điều kiện cho tôi thăm gặp nên không thể hàn gắn được.

Tóm lại, tôi còn thương vợ, con nên không đồng ý ly hôn, tất cả đều do vợ tôi hiểu lầm.

- *Về quan hệ con chung*: Có 01 con chung tên Nguyễn Thanh Phát, sinh ngày 07/02/2021 (hiện đang ở với mẹ). Nếu có ly hôn tôi yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

- *Về quan hệ tài sản*:

+ Về tài sản chung: Vợ tôi trình bày không có là không đúng. Cụ thể vợ chồng có tài sản chung là 01 công đất ruộng trị giá 64.000.000 đồng, hiện mẹ vợ tôi (Trần Thị Tuyết, sinh năm 1980, địa chỉ: Ấp Tân Hòa, xã Tân Thành, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang) đang quản lý, sử dụng. Tuy nhiên, vợ chồng sẽ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Vợ chồng vay mượn tiền của người thân, bạn bè số tiền là 45.000.000 đồng với mục đích là nhu cầu thiết yếu và sản xuất kinh doanh của hai vợ chồng (linh kiện máy may và máy may công nghiệp), và nợ 45.000.000 đồng của Cửa hàng đại lý cấp 1, máy may Nguyễn Thái, Nợ Ngân hàng Tiên Phong (TP) số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 03/11/2020 (hiện nay lãi suất + Vốn là 29.100.000 đồng) tôi còn giữ Hợp đồng. Tuy nhiên, vợ chồng sẽ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết K có mặt; bị đơn anh Nguyễn Thanh P vắng mặt không có lý do.

Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của chị K, anh P tại biên bản xác minh ngày 09/01/2024 tại UBND thị trấn Núi Sập thể hiện: “Chị K và anh P có kết hôn và sinh sống tại địa phương, gần đây có phát sinh mâu thuẫn, không rõ nguyên nhân”.

Đại diện Viện kiểm sát Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Về cơ bản vụ án đã được tiến hành đúng theo trình tự pháp luật quy định, đã xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân, có đủ cơ sở đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Chị K được ly hôn với anh P. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thanh Phát, sinh ngày 07/02/2021 cho chị K được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con do chị K không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét. Về án phí: Chị K yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con; Bị đơn anh Nguyễn Thanh P cư trú tại huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn. Tại phiên tòa hôm nay anh P vắng mặt không có lý do là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Qua các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp, kết quả xác minh tình trạng hôn nhân và lời khai của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa có căn cứ xác định:

Chị Nguyễn Thị Tuyết K chung sống với anh Nguyễn Thanh P có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 24/02/2020. Do vậy, căn cứ vào Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chị K, anh P chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 5/2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống chủ yếu về vấn đề kinh tế, vợ chồng không còn tin tưởng nhau (chị K nghi ngờ anh P có người phụ nữ khác, anh P thì cho rằng chị K ghen tuông vô cớ) và thường xuyên xảy ra va chạm, cự cãi giữa chị K anh P và giữa anh P với gia đình vợ. Mâu thuẫn kéo dài mặc dù cả chị K, anh P đã cho nhau nhiều cơ hội sửa đổi nhưng nhưng vẫn không cải thiện được, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc thể hiện bằng việc chị K đã dẫn con về nhà mẹ ruột sống từ tháng 7/2023, vợ chồng đã ly thân và không còn quan tâm nhau từ tháng 11/2023 cho đến nay.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị K kiên quyết xin ly hôn để mỗi người đều có cuộc sống mới, trong quá trình giải quyết vụ án anh P cho rằng vẫn còn tình cảm vợ chồng và mong muốn được đoàn tụ nhưng không đưa ra biện pháp nào tích cực nhằm cải thiện quan hệ vợ chồng, trong thời gian ly thân vợ chồng đã không còn quan tâm nhau, **điều này** chứng tỏ hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nếu cho chung sống lại cũng không tạo được một gia đình hạnh phúc bền vững. Do đó chị K đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn là có cơ sở. Căn cứ vào quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K đối với anh P.

[2.2] Về con chung: Qua chứng cứ chị K cung cấp cũng như lời khai của các đương sự đã được xác minh tại chính quyền địa phương thì chị Nguyễn

Thị Tuyết K và anh Nguyễn Thanh P có 01 con chung tên Nguyễn Thanh Phát, sinh ngày 07/02/2021 (hiện đang ở với mẹ).

Trong quá trình giải quyết vụ án chị K và anh P đều có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phát và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy chị K và anh P đều đủ điều kiện trực tiếp nuôi con chung, tuy nhiên cháu Nguyễn Thanh Phát, sinh ngày 07/02/2021 hiện chưa đủ 36 tháng tuổi và đang sống với mẹ. Do vậy, HĐXX áp dụng các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, giao con chung tên Nguyễn Thanh Phát, sinh ngày 07/02/2021 cho chị Nguyễn Thị Tuyết K được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Phát thành niên (đủ 18 tuổi), tự lao động được là phù hợp và đảm bảo được các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển về thể chất, tinh thần, việc học tập, môi trường sống của cháu; Chị K phải tạo điều kiện cho anh P được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở; Khi cần thiết anh P có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định pháp luật.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị K không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết K và anh Nguyễn Thanh P trình bày tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị K là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

[5] Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tuyết K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết K được ly hôn với anh Nguyễn Thanh P.

2. Về quan hệ con chung:

Chị Nguyễn Thị Tuyết K được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thanh Phát, sinh ngày 07/02/2021; Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con chung nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Thanh P do chị Nguyễn Thị Tuyết K không yêu cầu. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các đương sự có thể yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung và nợ chung:

- Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Tuyết K và anh Nguyễn Thanh P trình bày tự thỏa thuận nên không đặt ra giải quyết.

- Về nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Tuyết K và anh Nguyễn Thanh P trình bày tự thỏa thuận nên không đặt ra giải quyết. Tuy nhiên, sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Nguyễn Thị Tuyết K và anh Nguyễn Thanh P phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Tuyết K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0013328 ngày 16/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Như vậy, chị Nguyễn Thị Tuyết K đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm. Anh Nguyễn Thanh P không phải chịu án phí.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;p
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- UBND thị trấn Núi Sập, h. Thoại Sơn;
- UBND xã Tân Hòa, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Cẩm Xuyên